

## NGÔN NGỮ ĐỐI THOẠI TRONG VĂN XUÔI MA VĂN KHÁNG

### CONVERSATION LANGUAGE IN MA VAN KHANG'S PROSE

#### ĐOÀN TIẾN DŨNG

(ThS-NCS; Trường THPT Thực hành Cao Nguyên, ĐH Tây Nguyên)

**Abstract:** Dialogue is an important factor in language and linguistic character of the work, so the communication and ideological character shown on the wording of the conversation. Here, we present the language of dialogue format featured in Ma Van Khang prose: Conversation personalization, stripped character nature. Conversation change contextually, object interface changes entail psychological character. Dialogue between the flow of ideas, each mapped to reveal concepts, philosophies.

**Key words:** Dialogue; Ma Van Khang prose.

### 1. Mở đầu

Ngôn ngữ nhân vật là lời nói của nhân vật trong tác phẩm. Ngôn ngữ nhân vật là phương tiện phản ánh cuộc sống, bộc lộ tính cách nhân vật. “Ngôn ngữ nhân vật là một trong những phương diện quan trọng được nhà văn sử dụng nhằm thể hiện cuộc sống và cá tính nhân vật” [4,214]. Vì vậy, sự nhìn nhận mang tính chủ quan của nhà văn được gửi gắm vào nhân vật cũng như những quan niệm, tư tưởng nhân sinh cũng được bộc lộ qua ngôn ngữ nhân vật. Nền tảng cấu trúc của ngôn ngữ nhân vật gồm các phạm trù cơ bản ngôn ngữ đối thoại và ngôn ngữ độc thoại. Theo Bakhtin: “Đối thoại là một phương diện tồn tại của con người”; “Nếu một tác giả điểu đặc với tính song điệu hữu cơ và tính đối thoại nội tại của thế giới ngôn từ sống động và lung linh biến đổi thì anh ta sẽ không bao giờ hiểu được và thực hiện được những khả năng và nhiệm vụ đích thực của thể loại tiểu thuyết” [2,137]. Đối thoại là một yếu tố quan trọng trong ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ tác phẩm, vì thế, nội dung giao tiếp và tư tưởng nhân vật thể hiện trên câu chữ của cuộc thoại. Dưới đây, chúng tôi trình bày những dạng thức ngôn ngữ đối thoại đặc trưng trong văn xuôi Ma Văn Kháng.

### 2. Những đặc điểm của ngôn ngữ đối

### thoại trong văn xuôi của Ma Văn Kháng

#### 2.1. Đối thoại cá thể hóa, lột trần bản chất nhân vật

Hệ thống đề tài sáng tác của Ma Văn Kháng có sự phân định tương đối rõ ràng: đề tài cuộc sống của con người thuộc cộng đồng các dân tộc thiểu số ở miền Tây Bắc Tổ quốc và đề tài cuộc sống của con người nơi thành thị. Chính hai nội dung thể tài ấy đã chi phối nhà văn trong việc lựa chọn các phương thức, phương tiện thể hiện ngôn ngữ đối thoại. Ở thể tài lịch sử dân tộc, sáng tác văn xuôi của Ma Văn Kháng thấm nhuần cảm hứng anh hùng “đều tập trung vào những sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với đối với vận mệnh lịch sử dân tộc và quốc gia. Những sự kiện gắn liền với hoạt động có ý nghĩa to lớn của dân tộc” [6,259]. Những sáng tác về đề tài miền núi như *Đồng bạc trắng hoa xòe*, *Vùng biên ai*, *Mùa mận hậu*, *Cái móng ngựa*, *Người con trai họ Hạng*,... của Ma Văn Kháng trong giai đoạn đầu là những tác phẩm thuộc thể tài lịch sử dân tộc, tiêu biểu cho ngôn ngữ tiểu thuyết sử thi của ông.

Trong tiểu thuyết *Đồng bạc trắng hoa xòe* và *Vùng biên ai*, đời sống xã hội là một bức tranh loạn lạc triền miên, cái mầm loạn vốn được nuôi dưỡng từ trong địa hình thế đất, qua lịch sử “bất ổn và hỗn loạn nhất”. *Đồng*

*bạc trắng hoa xòe* là cuộc chiến giữa một bên là các chiến sĩ cách mạng với một bên là thổ ty miền ngược, tàn quân của Quốc dân đảng và tay sai của thực dân Pháp nhằm giành chính quyền ở Lào Cai. *Vùng biên ải* là cuộc chiến đấu lâu dài thầm lặng mà vô cùng dữ dội nguy hiểm giữa một bên là chính quyền non trẻ với bọn thổ phỉ. Điều đó, đã tác động sâu sắc đến số phận của mỗi thành viên trong cộng đồng. Ma Văn Kháng viết *Đồng bạc trắng hoa xòe* và *Vùng biên ải* sau năm 1975 nhưng tác phẩm của ông vẫn nằm trong tâm chi phối của văn học cách mạng với mô hình con người quần chúng, con người sử thi. Do đó, trong ngôn ngữ đối thoại của họ đều thể hiện lí tưởng cách mạng. Như vậy, trong đối thoại của nhân vật đều thể hiện cuộc hành trình đến với cách mạng đến với hạnh phúc của mỗi nhân vật. Tất cả họ đều có mục đích lí tưởng sống chung: giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước!

Sang đến sáng tác thuộc thể tài thể sự, ta thấy thấm thía hơn bao giờ hết cái đa đoan, đa sự của cuộc sống thường nhật hôm nay. Đọc tác phẩm Ma Văn Kháng giai đoạn này cho thấy nhà văn ít chú ý khai thác nội tâm nhân vật. Dòng độc thoại chỉ xuất hiện khi nhà văn biểu đạt suy nghĩ toan tính của nhân vật, điều mà Ma Văn Kháng ít làm. Vì lẽ đó, chúng ta không bắt gặp nhân vật tự tưởng trong truyện ngắn Ma Văn Kháng theo nét nghĩa: nhân vật suy nghĩ, đấu tranh nội tâm để biểu hiện tư tưởng, cách nhìn của nhà văn, "người phát ngôn cho tư tưởng nhà văn". Điều này, do đặc điểm thể loại tác động.

Truyện ngắn trước những năm 80 của ông thường xuất hiện những cuộc đối thoại ở mức độ vừa. Nội dung đối thoại thường tập trung xoay quanh vấn đề thiết thực của đồng bào dân tộc. Ngôn ngữ đối thoại mới chỉ dừng lại thuần túy bộc lộ những dự định, hành động ý kiến của nhân vật, trong ngôn ngữ nhân vật có cái "rè rà, ngô ngây". Và ở lời đối thoại thường thiếu đi sự tranh luận, bản bạc, lật ngược lật xuôi vấn đề. Tính cách nhân vật

nhất quán với ngôn ngữ nhân vật, hẳn sâu trong ngôn ngữ đối thoại. Vì lẽ đó, nhân vật trong truyện ngắn thường có nét tính cách ổn định, lặp lại:

<1>: "*Hỡi! Vác đá há? Gọi lão Cẩu Đà đà... cái thằng ăn mày chết ở chợ kia, sao chưa chôn?*" [đ,117].

<2>: "*Giàng Tà, chân mày không nhanh bằng viên đạn này đâu! Tà quay lại phanh bộ ngực rắn như đồng, như sắt quất: Mày bắn đi! Viên đạn vào ngực ta bật trở lại, đập trúng hai con mắt mày cho mày đi mù đấy*" [đ,64].

Ngôn ngữ đối thoại trong truyện ngắn Ma Văn Kháng những năm 80 trở lại đây có bước phát triển mới. Nội dung của đối thoại được mở rộng ra nhiều lĩnh vực, nhiều vấn đề của cuộc sống. Nhân vật đang nói chuyện, đang luận bàn về hạnh phúc, hôn nhân tình yêu, tiền tài, cái chết sự sống... vấn đề được nói tới trong đối thoại được nhìn ở nhiều góc độ, điểm nhìn khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Theo chúng tôi, đối thoại trong truyện ngắn Ma Văn Kháng là đối thoại mở: mở vấn đề, mở người tham gia đối thoại.

<3>: "*Nhiên à, em có mái tóc thật tuyệt vời. -Anh nói nghe hơi ghê răng đấy. Nhưng em còn có cái gì tuyệt vời nữa anh thử nói xem nào? Cả cái cách ăn mặc của em nữa. Em mặc Jean cũng đẹp mà đi váy Thi Mich cũng hết ý. Anh cũng thành thạo giới chị em đấy nhì. Còn anh, anh đẹp vì cái gì anh biết không? Vì cái gì? Vì cái thắt lưng to bản. Anh chính là gốc Hà Nội. Đúng vì sao anh biết không? Sao? Vì anh ăn phở với cơm nguội?*" [e,635].

Sau đây là đối thoại giữa Bảo và ông Cát, một người thủ trưởng ti tiện, nhỏ nhen đang nói về mấy cô gái điếm.

<4>: "*Con đười đười lại nhoen nhoen: Anh cả vào đây có định sắm gì không để em sắm hộ cho nào? Nó tức mẹ váy lên võ đánh bẹt vào cái của nợ, rồi phe phé: Đa thừa anh háng em trong này con tươi nguyên, chất lượng quốc tế mà giá cả lại rất vừa phải à*" [i,614].

Bằng ngôn ngữ đậm cá tính của nhân vật, các nhà văn đã dựng lên được những bức chân dung sinh động, khác họa những tính cách điển hình, sắc nét:

<5>: “*Một lần khác đang hành lạc, con dâm phụ bắt thằng đàn ông dừng lại dùng dụng cụ tránh thai. Thằng này nói yên trí, yên trí. Con quý cái nhất định không nghe. Nó gât: Còn nhớ hai lần trước không. Tặc hươi một cái chì biết sương mình. Để người ta nhục nhả xin chữ kí của lão Khiêm*” [c,271].

<6>: - “*Anh ơi, anh đỡ đầu em chứ đừng đỡ đầu em nữa. Nó nói bố em về hưu buồn như chó cảnh mất giá*” [đ,156].

Trong tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn*, nhân vật lí là người ưa thích quyền hành, thêm muốn sai khiến người khác thì ngôn ngữ lại mang sắc thái biểu hiện khác. Đó là ngôn ngữ mệnh lệnh, kẻ cả: “*Chị nhìn Đông mắt lạnh như thép, rồi bước ra cửa số*:

<7>: - “*Này hỏi nó cho ra nhẽ đi. Có phải nó định cưới vợ rồi dắt điu nhau về cái nhà này không? Cả con Phương nữa, mẹ nó, con nó, cả con mụ khộm Chí nữa... Có phải các người định kéo nhau tưng đàng về đây không?*” [b,300]. Là một người tính cách rất phong phú, đặc sắc và đầy cá tính, để thay đổi như lí, ngôn ngữ của chị cũng góc cạnh. Có lúc ngôn ngữ con người này còn thể hiện bản chất cay nghiệt, đánh hanh, trợn trạo. Ngôn ngữ kể chuyện trong đoạn văn sau đây miêu tả rất sinh động thái độ giận dữ của nhân vật lí qua các động từ chỉ hành động mang sắc thái biểu cảm mạnh:

<8>: - “*Lý cười khàn khạch, bung bát bún của Phương lên*:

- “*Ăn nốt đi chứ! Lại có kén rồi hay sao đây. Ông nhà mước sắp đánh thuế cao lắm. Thằng này nó định tếch đi nơi khác. Nó mà tếch đi là mất một chỗ ăn ngon. Ăn đi! Tội đếch gì mà bóp mồm bóp miệng*” [b,154].

Về hình thức đối thoại, đối thoại trong tiểu thuyết của Ma Văn Kháng nhân vật giàu cá tính rất gần gũi với cách nói năng trong cuộc đời thực. Có khi nhân vật nói dài dòng, “tuộm

thuộm”. Nhưng thường thì nhân vật nói ngắn gọn, số lượng từ không nhiều lắm và phù hợp với những suy nghĩ của quần chúng trong cuộc sống hằng ngày. Hay nói khác đi, ngôn ngữ Ma Văn Kháng mang phong cách khẩu ngữ rõ rệt:

<9>: “*Mày bảo ai sờ sờ? Chi có chó mới sờ sờ thôi hiểu không? Đồ mắt dạy! Mắt dạy thì tôi cũng là con bà!*” [i,58]. Quan trọng hơn, tính đối thoại trong ngôn ngữ tiểu thuyết Ma Văn Kháng không đơn thuần là người này đối thoại với người kia một cách ngẫu nhiên, mà là đối thoại về tư tưởng, về cá tính nằm chính trong phát ngôn của họ:

<10>: - “*Dùng tay thôi bí thư à. Ông Diệp cười chành miệng: -Thịt gà xôi nếp đàn bà. Cả ba thứ ấy đều là dùng tay*”. [đ,344].

<11>: - “*Con kia! Tao cầm thù mày! Mày là đứa cướp cơm chim của tao. Thằng này nó tốt nghiệp trường Mĩ thuật Công nghiệp. Tao đã dăm sắn chỗ cho nó. Vậy mà mày đến tranh phần của nó! Tao phải vạch vôi vào cái mặt bất lương của mày!*” [k,10].

Đối thoại của Ma Văn Kháng bao giờ cũng bao hàm trong đó một thông tin về trạng thái ý thức của nhân vật. Nhà văn không chỉ truyền đạt nội dung thông tin mà còn miêu tả chính giọng điệu, cách thức lời nói của nhân vật. Trên cái nền tảng chủ quan ấy, mỗi hoàn cảnh, mỗi tính cách nhân vật đều được rọi sáng qua sắc thái ngôn ngữ nhân vật sinh động. Chỉ cần qua các đoạn thoại gọn gàng, người đọc cũng có thể hình dung ra một thế giới nhân vật đồng đúc với đầy đủ các hạng người.

**2.2. Đối thoại thay đổi theo ngữ cảnh, đối tượng giao tiếp kéo theo sự thay đổi tâm lí, tính cách nhân vật**

“*Sống tức là đối thoại*” [Bakhtin]. Thông thường, các nhà văn sử dụng ngôn ngữ đối thoại của nhân vật đi kèm với các biểu hiện trạng thái tâm lí. Các hiện trạng tâm lí nổi tiếp, đuổi bắt nhau, kéo dài suốt cả quá trình đối thoại. Trong truyện ngắn của Ma Văn

Kháng ở đề tài miền núi, tác giả chỉ chú ý đến lời thoại nhân vật mà không hoặc rất ít chú ý đến biểu hiện trạng thái tâm lý nhân vật. Nhân vật đối thoại một cách bình đẳng, gần giống trò chuyện, trao đổi ngoài đời:

<12>: “*Lâu nay cô vẫn đi lại với thằng Khun? Vâng. Cô yêu nó? Không. Quan Châu ngừng nhìn nhìn môi, lia hai vệt mắt qua bộ ngực và đôi tay nắn nắn của người phụ nữ*” [7d,46]. Các trạng thái tâm lý ít được miêu tả, không có quá trình đuổi bắt. Do yếu tố ngữ cảnh miền núi chi phối, nhân vật trong truyện ngắn Ma Văn Kháng thường đối thoại “thuần”, chất phác, bởi không có sự xuất hiện của lí trí, con tim, dòng suy nghĩ. Theo một nét nghĩa nào đó, nhân vật trong sáng tác về đề tài miền núi của Ma Văn Kháng là một “cái loa”, “nơi phát ngôn” cho tư tưởng nhà văn. Nhà văn giấu mình một cách kín đáo qua đối thoại, để khách quan trung thực trong phản ánh hiện thực. Ngôn ngữ đối thoại trong văn xuôi Ma Văn Kháng những năm 80 trở lại đây có xu hướng đối thoại thay đổi theo ngữ cảnh, đối tượng giao tiếp, tác động đến trạng thái tâm lý nhân vật:

<13>: “*Một nghìn! Láy rê! Mây tương tiền tao là mảnh sành chắc! Cô ơi, trông được cú su hào non, mập thế này, vất vả lắm! Thế mây tương tao chưa trông su hào bao giờ, hả? - Ôi! Cô ơi, cô mua ở đâu được giá bấy trăm thì cháu xin làm con cô. - Tao ối con rồi. Tao chẳng cần mây làm con nữa đâu! Gánh đi! Cút!*” [k,33].

Ngôn ngữ đối thoại đã thể hiện vốn sống, vốn hiểu biết tình huống nhiều lĩnh vực. Trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng, đôi khi ngôn ngữ đối thoại xuất hiện như một sự ngẫu nhiên trao đổi để cho có người mà trao đổi. Nhà văn dường như chỉ quan tâm đến động cơ lời nói. Sau đây là đoạn đối thoại giữa Xuyên và đứa con:

<14>: “*Nhà cứ như có kẻ trộm. Mày vừa mới đi đâu về hờ con ranh? - Con đi học thêm ạ. Học thêm cái con mà mẹ mày! Tao đã khóa cái hòm gạo rồi cơ mà. Cứ rừ rừ bỏ mẹ mày*

*đến chơi cho lắm vào rồi rả họng, con ả*” [c,10]. Sau khi nghe đoạn thoại trên Tự như “chìm bị trúng tên” và Kha bạn Tự đã trêu ghẹo “gãi gãi vành tai” tỏ ra cảm thông cho Tự. Có thể người con của Tự chẳng có lỗi gì nhưng Xuyên vợ Tự nói như để có người mà nói với khi mà chị ta đang tức tối trong cái ngữ cảnh buổi trưa nóng bức “như một quả dưa bở” và những “âm thanh hung tợn của tiếng cốc chìm bỏ xuống nền đất cứng của tốp thợ đào móng dầu buồng Tự”. Cuộc sống với những lo toan, bức xúc hàng ngày vì cái đói cái rét, sự nhọc nhằn. Sau đây là đoạn đối thoại giữa Tự và con gái:

<15>: “*Bố! Bố ồm, hà bố? Không! Bố có làm sao đâu! Lên đây, con. Trường con tổng kết năm học chưa, con? Lên đây, con. Đề bố đi tìm cái đèn dầu... Bố! Con nghe giọng nói của bố yếu yếu như hôm bố bị sốt rét ấy. Con không lên đâu. Tối nay, mẹ bảo không nấu cơm, hết gạo, lại hết cả dầu rồi. Bố có đôi không, hà bố?*” [c,76]. Ta thấy, ngôn ngữ nhân vật ở đây mang chức năng thể hiện một nét tính cách bất lực của người trí thức tiểu tư sản nghèo. Đó còn là tâm trạng hụt hẫng của Tự khi cuốn tự điển “không cánh mà bay”:

<16>: “*Kha ơi! Mất quyền tự điển rồi! Khốn nạn chó má đến thế là cùng!*” [c, 66]. Ở đây, ngoài việc nắm bắt được nội dung lời thoại (xác minh việc Tự bị trộm “mỏ” mất quyền tự điển), người đọc hình dung ra một cuộc hội thoại gồm hai con người khôn khéo bị bọn cò quay lầy đi cuốn tự điển - niềm hi vọng và tự hào của Tự. Do vậy, nó đã làm tăng tính bi kịch của Tự, vì thế sự tiếp nối đuổi bắt của ngữ cảnh giao tiếp đã tham gia trực tiếp vào quá trình tâm lý của nhân vật, thúc đẩy sự phát triển tâm lý và tính cách:

Sau đây là đoạn đối thoại uất ức của Mão bắt quả tang Nguyệt ngoại tình trong *Mùa thu dào dạt*.

<17>: - “*Mở cửa! Hừ, chưa mặc kịp áo quần hà! Hừ, rõ đẹp mặt chưa! Nào, mời bà con láng giềng lại đây xem con vợ tôi nó xinh đẹp, giới giang và chính chuyên như thế nào,*

nào!” [k,6].

Đổi thoại trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng còn mang một hình thức khác, nhằm một mục tiêu khác cho thấy có sự vận động đan xen của những dòng kí ức, những tình cảm, những diễn biến tâm trạng bất thường của con người:

<18>: “*Đông ngưng lên, mặt chớp chớp. Lý hơi cúi xuống rít: Cái Phượng nó mất xe đạp rồi. Sao thế nào mà lại mất xe đạp? Làm thế nào bây giờ? Làm thế nào à? Dâng cho nó cái xe đạp Mifa treo kia kia chứ còn thế nào nữa. Hừ mưng mư của thằng Luân ghê thật*” [b,129]. Trong hoàn cảnh giao tiếp trên, người ta không khỏi kinh hãi trước sự cạn kiệt nhân tính của Lý. Đoạn đối thoại như một sự tra vấn riết róng gọi một dư vị chua chát, nghiệp ngã và tàn nhẫn.

Trong xu hướng ngày càng tiến tới ngôn ngữ hiện thực - đời thường, phát huy tối đa khả năng miêu tả và biểu hiện cái muốn hình muốn về của cuộc sống, ngôn ngữ văn xuôi Ma Văn Kháng in đậm cá tính nhà văn. Mặt khác, đây cũng là một đòi hỏi có tính nguyên tắc trong sáng tạo nghệ thuật như ý kiến của các nhà lí luận: Sáng tạo nghệ thuật đòi hỏi phải có “một tiếng nói riêng”, ngôn ngữ là một yếu tố thể hiện một cách trực tiếp “tiếng nói riêng ấy”.

### 2.3. *Đổi thoại giữa các luồng tư tưởng, ánh xạ lên nhau bậc lộ quan niệm, triết lí*

Dù là người nông dân hay là người trí thức, nhân vật trong tiểu thuyết của Ma Văn Kháng bao giờ cũng cố gắng tìm đến cho mình một chiều sâu nhất định. Điều đáng chú ý là: khác tác phẩm mang tính sử thi với trọng tâm là tạo dựng bức tranh lịch sử hoành tráng về một thời đại chiến tranh có mất mát hy sinh mà không kém phần hào hùng của các dân tộc vùng biên ải thì sáng tác về đề tài thế sự, đời tư của Ma Văn Kháng nhiều khi khiến người ta có cảm giác nhà văn đang để nhân vật đối thoại tranh biện với ai đó về văn chương nghệ thuật, về cuộc đời.

Quan niệm của Tự về cuộc đời:

<19>: “*Đời là cái gì? Là vai dưa muối*

*hồng? Kia, vàng phượng đỏ. Trang trí tô điểm cho vai dưa muối chẳng? Không ai nói?”* [c,43]. Vậy mà, cuộc đời của Tự với bao nỗi lờ lằng, tưởng có tình yêu hóa ra không, tưởng được rồi lại mất giữa cái cuộc đời mong manh đầy bất trắc này, chỉ là con lắc trong tay cái ngẫu sự: “*Dù cho lòng nhiệt thành, tinh thần triệt để càng chiều sâu của tri thức, sự phong phú của tình cảm và sức lan tỏa của tư duy đã tạo nên một anh giáo Tự mục thước và sâu sắc, đôn hậu mà vẫn uyển chuyển, đa cảm mà vẫn rắn rỏi, không dễ uốn mình*”; “*Tự đây, kẻ tuôn nạn của một số nguyên, tin cậy? Bị bạc đãi. Bị khinh rẻ. Bị đẩy đọa, Bị ruồng rẫy. Tiền tài không*” [c, Chương XVIII]. Cuộc đời đã nhận tài năng, tâm huyết của người trí thức và trả lại cho anh ta một số không tròn trịa! Trong quan niệm của Ma Văn Kháng, hình như, giới trí thức hôm nay không chỉ bị gánh nặng áo cơm ghi sạt đất mà còn bị dẫn vật về đời sống tâm hồn. Nói như Khiêm: “*Anh nhận ra mình đã hoàn toàn bị cô lập. Một số đồng đã hình thành dưới áp lực của quyền hành với sự đồng lõa của nỗi sợ hãi, tính a dua a tòng, thói tính toán vụ lợi*”. Nó là “*dòng nước lũ*” và Khiêm là “*kẻ ngược dòng*”. Họ là “*những người có trình độ bị cái xấu, cái ác giăng bẫy*” [5,98].

Đọc những tiểu thuyết, truyện ngắn gần đây của Ma Văn Kháng như: tiểu thuyết: *Bóng đêm, Bến bờ, Chuyện của Lý*, truyện ngắn *Nỗi nhớ mưa phùn*,..., người đọc còn nhận thấy một ngôn ngữ đối thoại triết lí, tranh biện ánh xạ lên nhau, cật vấn nhau. Nhân vật Điền (Bến bờ) là người sống nội tâm sâu sắc và sống với cuộc đời rất có trách nhiệm nên ở anh xuất hiện nhiều trăn trở. Trong cuộc sống cao cả lẫn thấp hèn, Điền luôn đấu tranh để tự hoàn thiện mình. Là người sống nội tâm có dự cảm nhạy bén, Điền luôn ánh xạ lòng vị tha, sự cảm thông của mình lên những cuộc đời tội nghiệp, đặc biệt là những người phụ nữ. Điền là nhân vật tự biểu hiện thể hiện được đầy đủ triết lí sống và suy ngẫm của tác giả về cuộc sống. Không

những đôi thoại triết lí về cuộc đời, về con người, Ma Văn Kháng còn để cho nhân vật đôi thoại triết lí về cái chết thực sự của mỗi con người. Quan niệm về cái chết của Ma Văn Kháng về cái chết rất đối bình thường giản dị. Câu nói của ông nội Điền cũng là triết lí của nhà Phật: “Khi ta chết đi, ta chẳng còn gì ngoài những thứ ta đã cho kẻ khác”. Được sống đã là một niềm hạnh phúc của con người và cũng là một đặc ân tạo hóa đã ban cho con người. Người hiểu cuộc sống, người ham sống cũng chính là hiểu cái chết một cách sâu sắc bằng những trải nghiệm. Tiểu thuyết *Chuyện của Lý* chứa đựng rất nhiều đôi thoại suy ngẫm nhân bản bên bờ vực quyền làm người của Ma Văn Kháng. Để đưa ra những đôi thoại triết lí thuyết phục, ông thường đặt nó vào hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, để rồi từ đó phân tích lí giải. Từ việc bí thư Văn Quyền tên lưu manh gian ác, kẻ lừa đảo trác trụy đã gây nên những vụ náo loạn ở trung chi bộ cơ quan huyện ủy Phụng Sa, vụ mẹ Nhu có con bị ông Văn Quyền si nhục, rủa sả nặng nề: “Con đàn bà chưa hoang, ...xưa đàn bà mắc tội này còn bị làng bắt vợ, còn bị gọt đầu, bỏ rọ trôi sông. Còn bây giờ, có nơi người ta bắt đeo biển đi dong phố kia kìa” [1,130].

Ngôn ngữ đôi thoại giữa các luồng tư tưởng, ánh xạ lên nhau bộc lộ quan niệm, triết lí của nhân vật trong văn xuôi Ma Văn Kháng dù lớn nhỏ, nông sâu, chủ quan hay khách quan đề cho thấy quan niệm tích cực của tác giả về cuộc sống và con người. Với những quan niệm đó, người đọc dường như tìm được sự đồng cảm về cảnh ngộ, về tâm trạng, về sự thăng trầm chìm nổi của kiếp người. Chúng gieo vào lòng người đọc niềm tin, giúp người đọc vượt lên những lo lắng, bất an sau khi đọc những trang văn có đôi thoại ngôn ngữ xô bồ, khác liệt.

### 3. Kết luận

Ngôn ngữ đôi thoại trong sáng tác của Ma Văn Kháng thực sự đã đạt tới trình độ nghệ thuật cao, nhờ ở cách tổ chức ngôn ngữ và tính đa chức năng của ngôn ngữ tham gia vào

cuộc thoại. Nó có một vị trí đặc biệt trong việc khắc họa tính cách, bộc lộ chủ đề tư tưởng. Nhưng điều quan trọng hơn, ngôn ngữ đôi thoại của Ma Văn Kháng đã là một yếu tố có vị trí đặc biệt trong việc hình thành quá trình tâm lí của nhân vật, thường sau mỗi lần đối thoại, nhân vật lại nhìn lại chính mình. Hay nói khác đi, ngôn ngữ đối thoại như một cái nền vững chắc cho độc thoại nội tâm phát huy hết được sức mạnh, vai trò của nó. Bởi vì, “mỗi phát ngôn đều có tác giả của nó, và trong bản thân lời phát ngôn ta nghe thấy tiếng nói của tác giả là kẻ đã sáng tạo ra nó” [3,174].

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân (2003), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb GD, 2003.
2. Bakhtin M. (2003), *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*, Nxb Hội Nhà văn.
3. Bakhtin M. (1993) *Những vấn đề thi pháp tiểu thuyết Đốtđiôpexki*, Nxb GD.
4. Nhiều tác giả (1998), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
5. Bích Thu, *Khuyh hương tái nhận thức trong văn học Việt Nam đương đại* in trong: Văn học Việt Nam hiện đại sáng tạo và tiếp nhận, Nxb Văn học.
6. Pospelov, G.N. (1985), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, tập hai, Nxb GD.

### DẪN LIỆU

Các tác phẩm của Ma Văn Kháng:

- a. (1969), *Xa Phú*, Nxb Văn học, H.; b. (1999), *Mùa lá rụng trong vườn*, Nxb Phụ nữ.; c. (1990), *Đám cưới không có giấy giá thú*, Nxb Lao động; d. (1999), *Ngược dòng nước lũ*, Nxb Hội Nhà văn; đ (2000), *Tuyển tập truyện ngắn*, Tập 1, Nxb Thanh niên; e. (2000), *Tuyển tập truyện ngắn*, Tập 2, Nxb Thanh niên.; g (2011), *Bóng đêm*, Nxb Công an Nhân dân; h. (2011), *Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương*, Nxb Hội Nhà văn; i (2012), *Bến bờ*, Nxb Phụ nữ; k. (2012), *Mùa thu đảo chiều*, Nxb Văn hóa văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh; l (2013), *Chuyện của Lý*, Nxb Hội Nhà văn; m. (2015), *“Nhà văn anh là ai?”* Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.